

## **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 41

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Ngày 15 tháng 1 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

### CƠ CẤU TỔ CHỨC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính như sau:

#### Hội đồng Thành viên

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ronnie Royston Fernandiz	Chủ tịch	Ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Ong Cheow Kheng	Phó Chủ tịch	Ngày 21 tháng 7 năm 2014
Bà Ami Moris	Thành viên	Ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Jeffrey Goh Cho Kiat	Thành viên	Ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Goh Keat Jin	Thành viên	Ngày 18 tháng 12 năm 2014

#### Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Mohamad Yasin bin Abdullah	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2014
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2015
Bà Quách Thanh Bảo Trân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2015
Ông Koh Boon Hann	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2010
Bà Trần Thị Thu Hằng	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2014
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Ngày 10 tháng 3 năm 2014

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 12 tháng 8 năm 2015 là Ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 13 tháng 8 năm 2015 đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc  
KIM ENG

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 60994674/17859838

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ sở hữu  
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) lập ngày 3 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better  
working world

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Nguyễn Thùy Dương  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1



Võ Ngọc Minh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.135.511.031.800</b>	<b>1.392.114.431.555</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	4	<b>412.755.854.376</b>	<b>611.131.570.220</b>
111	1. Tiền		207.755.854.376	214.021.570.220
112	2. Các khoản tương đương tiền		205.000.000.000	397.110.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.585.700</b>	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.585.700	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	6	<b>715.668.838.939</b>	<b>772.495.684.769</b>
132	1. Trả trước cho người bán		-	167.373.000
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		722.752.294.516	780.916.443.751
138	3. Các khoản phải thu khác		3.109.655.340	1.505.257.329
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.193.110.917)	(10.093.389.311)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.084.752.785</b>	<b>8.487.176.566</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7.1	3.908.257.657	2.691.602.154
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	2.446.325.712
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	7.2	3.176.495.128	3.349.248.700
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>34.417.747.737</b>	<b>28.834.358.770</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>18.421.020.451</b>	<b>12.772.818.464</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	12.922.380.719	10.017.189.066
222	- Nguyên giá		42.841.010.853	36.927.828.930
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.918.630.134)	(26.910.639.864)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	2.462.080.775	1.592.556.398
228	- Nguyên giá		19.365.501.766	17.008.357.266
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.903.420.991)	(15.415.800.868)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	10	3.036.558.957	1.163.073.000
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15.996.727.286</b>	<b>16.061.540.306</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.847.711.120	4.412.524.140
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	14.149.016.166	11.649.016.166
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.169.928.779.537</b>	<b>1.420.948.790.325</b>





Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>266.787.552.708</b>	<b>547.006.402.572</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>266.734.136.049</b>	<b>546.979.817.267</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	26.000.000.000	265.646.791.381
312	2. Phải trả người bán		1.773.500.637	56.287.355
313	3. Người mua trả tiền trước		475.832.000	553.532.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.611.470.132	2.764.490.027
316	5. Chi phí phải trả	15	12.390.468.624	16.787.871.305
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	188.861.342	189.635.398
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	220.120.024.450	260.960.586.028
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.173.978.864	20.623.773
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>53.416.659</b>	<b>26.585.305</b>
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	53.416.659	26.585.305
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>903.141.226.829</b>	<b>873.942.387.753</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>903.141.226.829</b>	<b>873.942.387.753</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		829.110.000.000	829.110.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.071.202.193	3.611.260.239
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		5.071.202.194	3.611.260.240
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		63.888.822.442	37.609.867.274
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.169.928.779.537</b>	<b>1.420.948.790.325</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>006</b>	<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>5.114.897.110.000</b>	<b>4.476.268.000.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	3.162.185.310.000	2.757.832.740.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	350.000	-
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.901.054.600.000	1.607.571.640.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.261.130.360.000	1.150.261.100.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	83.631.000.000	25.498.440.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	83.631.000.000	25.498.440.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	95.002.000.000	26.527.000.000
019	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	70.352.000.000	1.877.000.000
020	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	24.650.000.000	24.650.000.000
027	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	96.117.440.000	178.008.590.000
029	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán bù trừ của khách hàng trong nước	95.407.840.000	168.380.490.000
030	1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán bù trừ của khách hàng nước ngoài	709.600.000	9.628.100.000
	1.5. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo		
042	khoản vay	1.677.961.360.000	1.488.401.230.000
044	1.5.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay của khách hàng trong nước	1.652.239.000.000	1.488.342.230.000
045	1.5.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay của khách hàng nước ngoài	25.722.360.000	59.000.000
<b>050</b>	<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>96.780.060.000</b>	<b>74.381.850.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	88.926.560.000	64.801.310.000
053	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	60.001.370.000	64.008.610.000
054	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	28.925.190.000	792.700.000
s	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	7.853.500.000	9.580.540.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	7.853.500.000	9.580.540.000

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng



Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Tài chính  
Kế toán



Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu</b>		<b>175.901.446.239</b>	<b>189.002.674.380</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		66.214.275.398	93.046.013.872
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		3.032.628	27.122.750
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2.744.024.257	3.861.327.727
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		2.631.296.487	1.874.364.911
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		486.000.000	585.000.000
01.9	Doanh thu khác	20	103.822.817.469	89.608.845.120
<b>10</b>	<b>2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>175.901.446.239</b>	<b>189.002.674.380</b>
<b>11</b>	<b>3. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	21	<b>(68.075.619.977)</b>	<b>(96.369.183.217)</b>
<b>20</b>	<b>4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>107.825.826.262</b>	<b>92.633.491.163</b>
<b>25</b>	<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	22	<b>(69.654.857.947)</b>	<b>(71.826.858.257)</b>
<b>30</b>	<b>6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>38.170.968.315</b>	<b>20.806.632.906</b>
32	7. Chi phí khác		(202.325.071)	-
<b>40</b>	<b>8. Lỗ khác</b>		<b>(202.325.071)</b>	<b>-</b>
<b>50</b>	<b>9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>37.968.643.244</b>	<b>20.806.632.906</b>
<b>51</b>	<b>10. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	23.1	<b>(8.742.972.814)</b>	<b>(625.395.567)</b>
<b>52</b>	<b>11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	23.2	<b>(26.831.354)</b>	<b>(16.466.587)</b>
<b>60</b>	<b>12. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>29.198.839.076</b>	<b>20.164.770.752</b>

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng



Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Tài chính  
Kế toán



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>37.968.643.244</b>	<b>20.806.632.906</b>
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
	- Khấu hao tài sản cố định	21, 22	5.647.855.205	5.136.292.930
03	- Các khoản dự phòng	22	99.721.606	-
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.243.194.830)	(13.752.032.976)
06	- Chi phí lãi vay	21	3.362.912.063	13.439.429.932
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>33.835.937.288</b>	<b>25.630.322.792</b>
09	- Giảm/(tăng) các khoản phải thu		57.611.986.575	(429.614.073.384)
10	- (Tăng)/giảm đầu tư ngắn hạn		(1.585.700)	3.868.206
11	- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(44.425.102.397)	23.804.125.917
12	- Giảm chi phí trả trước		1.348.157.517	3.354.195.625
13	- Tiền lãi vay đã trả		(3.350.828.730)	(13.308.476.939)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.331.940.115)	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	23.1	(1.841.018.989)	(2.435.580.129)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>38.845.605.449</b>	<b>(392.565.617.912)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.653.505.478)	(3.788.781.783)
22	2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		4.545.455	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.074.430.111	13.460.866.644
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.425.470.088</b>	<b>9.672.084.861</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VNĐ

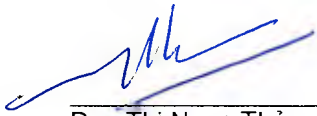
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	529.110.000.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		108.230.117.662	1.764.123.201.763
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(347.876.909.043)	(1.652.057.071.836)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động tài chính</b>		<b>(239.646.791.381)</b>	<b>641.176.129.927</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(198.375.715.844)</b>	<b>258.282.596.876</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	611.131.570.220	352.848.973.344
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	412.755.854.376	611.131.570.220

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng



Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Tài chính  
Kế toán



Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

B05-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm		VNĐ
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	829.110.000.000	-	-	-	-	829.110.000.000	829.110.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	3.556.412.666	3.611.260.239	-	-	1.459.941.954	-	3.611.260.239	5.071.202.193	
3. Quỹ dự phòng tài chính	3.556.412.667	3.611.260.240	-	-	1.459.941.954	-	3.611.260.240	5.071.202.194	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.554.791.668	37.609.867.274	-	-	26.278.955.168	-	37.609.867.274	63.888.822.442	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>324.667.617.001</b>	<b>873.942.387.753</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29.198.839.076</b>	<b>-</b>	<b>873.942.387.753</b>	<b>903.141.226.829</b>	

Người lập:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Người kiểm soát:

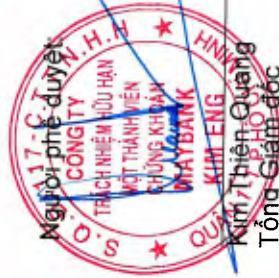


Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Tài chính Kế toán



Người phê duyệt:  
Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Ngày 15 tháng 1 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 210 (31 tháng 12 năm 2014: 238).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

#### 2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ").

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ một số thay đổi như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng theo Thông tư 200 bao gồm:

▶ Thuyết minh về thanh lý tài sản cố định:

Thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản cố định được trình bày bằng số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▶ Thuyết minh bổ sung yêu cầu cho việc trình bày các báo cáo tài chính:

- Đầu tư tài chính: thuyết minh chi tiết các khoản đầu tư chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư đầu tư.
- Các khoản phải thu: thuyết minh chi tiết các khoản phải thu chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu.
- Nợ khó đòi: thuyết minh chi tiết thời gian, số tiền quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp và khả năng thu hồi của những khoản nợ quá hạn, nợ chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư nợ khó đòi.
- Nợ được xóa sổ: thuyết minh chi tiết theo nguyên tệ và VNĐ các khoản nợ đã được xóa sổ trong vòng 10 năm và lý do xóa sổ.
- Xây dựng cơ bản dở dang: thuyết minh chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư xây dựng cơ bản dở dang.
- Các khoản phải trả: thuyết minh chi tiết các khoản phải trả chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả theo nhà cung cấp và lý do quá hạn của những khoản phải trả quá hạn.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: thuyết minh các khoản chi phí chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.



## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC (“Thông tư 95”) ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi trong hình thức của các báo cáo tài chính. Báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường đối với mỗi loại tài sản tài chính như sau:
  - Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
  - Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
  - Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;
  - Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng.

Ngoài ra, các khoản cho vay được phân loại và trích lập dự phòng như sau:

#### a) Phân loại nợ

Các khoản cho vay được đánh giá, phân loại thành năm (5) nhóm theo phương pháp định lượng và định tính, cụ thể như sau:

<i>Nhóm nợ</i>	<i>Tiêu chí phân loại</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	▶ Nợ trong hạn và được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn
Nợ cần chú ý	▶ Nợ được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ
Nợ dưới tiêu chuẩn	▶ Nợ được đánh giá không có khả năng thu hồi cả nợ gốc và lãi đúng hạn và có khả năng tổn thất
Nợ nghi ngờ	▶ Nợ được đánh giá có khả năng tổn thất cao
Nợ có khả năng mất vốn	▶ Nợ được đánh giá không có khả năng thu hồi, mất vốn

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực (tiếp theo)**

▶ Tài sản tài chính (tiếp theo)

b) Trích lập dự phòng

*Dự phòng cụ thể*

Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm nợ như sau:

<i>Nhóm</i>	<i>Loại</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng cụ thể</i>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

*Dự phòng chung*

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Công ty phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0.75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.
- ▶ Một số tài khoản quan trọng mới được bổ sung như sau:

a) Tài khoản thu nhập và chi phí

Một số tài khoản mới được bổ sung để ghi nhận thu nhập và chi phí cho các khoản mục tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và thu nhập lãi từ các khoản cho vay; chi phí dự phòng và chi phí xóa nợ khó đòi; suy giảm giá trị tài sản tài chính.

b) Tài khoản Tài sản

Tài khoản ghi nhận tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty Chứng khoán quản lý, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý và tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do Công ty chứng khoán quản lý.

c) Tài khoản Nợ phải trả

Một số tài khoản mới được bổ sung để ghi nhận nợ phải trả tài chính thông qua lãi/lỗ và quỹ bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư.

d) Tài khoản Vốn chủ sở hữu

Một số tài khoản mới được bổ sung để ghi nhận chênh lệch về việc đánh giá lại các khoản tài sản tài chính và tài sản cố định theo giá trị hợp lý.

Công ty dự kiến sẽ áp dụng khi những chuẩn mực và quy định này có hiệu lực.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5 năm
Phần mềm tin học	3 năm

#### 3.8 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- ▶ Chi phí thuê trả trước;
- ▶ Chi phí bảo trì hệ thống;
- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng;
- ▶ Chi phí sử dụng các dịch vụ khác.

#### 3.10 *Đầu tư chứng khoán*

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá trị hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

##### 3.10.1 *Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn*

Đây là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí, phí ngân hàng và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 *Đầu tư chứng khoán* (tiếp theo)

##### 3.10.2 *Giá trị hợp lý của chứng khoán*

Giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định cho từng loại chứng khoán theo giá mua bán trên thị trường.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của Sở giao dịch Chứng Khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 *Lợi ích của nhân viên*

##### 3.12.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

##### 3.12.2 *Bảo hiểm thất nghiệp*

Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

#### 3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu thì Công ty chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận doanh thu.

##### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### 3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra.

#### 3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để

sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên. Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán.

**3.18 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận được phân chia cho chủ sở hữu khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>VND</i>	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	42.747.755	62.343.236
Tiền gửi ngân hàng	30.721.321.701	2.469.657.262
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	176.991.784.920	211.489.569.722
Các khoản tương đương tiền	205.000.000.000	397.110.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>412.755.854.376</u></b>	<b><u>611.131.570.220</u></b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ một (1) tháng đến ba (3) tháng và đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng (Thuyết minh 13).

**5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</u>	<u>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</u>
<b>a. Của Công ty</b>		
- Cổ phiếu	745.655	26.341.833.790
<b>b. Của nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	2.579.602.307	36.524.054.460.590
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.580.347.962</u></b>	<b><u>36.550.396.294.380</u></b>



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

**6.1 Các khoản phải thu ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Số dự phòng đã trích lập
		Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1. Trả trước cho người bán		167.373.000	-	24.153.718.379	(24.321.091.379)	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		780.916.443.751	-	17.485.948.286.825	(17.544.112.436.060)	722.752.294.516	10.193.110.917	10.193.110.917
- Nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	(a)	726.984.814.558	-	14.056.351.792.276	(14.097.723.876.984)	685.612.729.850	99.721.606	99.721.606
- Nghiệp vụ hợp tác đầu tư	(b)	10.093.389.311	10.093.389.311	-	-	10.093.389.311	10.093.389.311	10.093.389.311
- Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	(c)	43.610.811.255	-	3.426.735.312.112	(3.443.523.988.587)	26.822.134.780	-	-
- Dịch vụ lưu ký		227.428.627	-	2.861.182.437	(2.864.570.489)	224.040.575	-	-
3. Các khoản phải thu khác		1.505.257.329	-	25.118.268.941	(23.513.870.930)	3.109.655.340	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi		542.710.665	-	6.858.409.720	(6.146.300.941)	1.254.819.444	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		962.546.664	-	18.259.859.221	(17.367.569.989)	1.854.835.896	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>782.589.074.080</b>	<b>-</b>	<b>17.535.220.274.145</b>	<b>(17.591.947.398.369)</b>	<b>725.861.949.856</b>	<b>-</b>	<b>10.193.110.917</b>

(a) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư, có thời hạn hiệu lực không quá 3 tháng và chịu lãi suất 0,0361%/ngày tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015. Khoản nợ khó đòi từ hoạt động giao dịch ký quỹ phát sinh từ tài khoản giao dịch ký quỹ của một (\*) nhà đầu tư (Mã số tài khoản: 079C030060) đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.1 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)**

(b) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Theo quy định của Ủy ban Chứng khoán, Công ty đã chấm dứt các nghiệp vụ này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012. Chi tiết của những khoản nợ khó đòi như sau:

Mã số tài khoản khách hàng	Thời gian quá hạn	Đầu năm		Cuối năm	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
079C005657	Trên 5 năm	4.740.000.000	-	4.740.000.000	-
079C005757	Trên 5 năm	3.731.263.278	-	3.731.263.278	-
079C005554	Trên 5 năm	1.186.190.421	-	1.186.190.421	-
Khác	Trên 5 năm	435.935.612	-	435.935.612	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.093.389.311</b>	<b>-</b>	<b>10.093.389.311</b>	<b>-</b>

Các khoản phải thu nêu trên liên quan đến các khoản nợ khó đòi phát sinh từ năm 2010 đã được Công ty trích lập dự phòng 100% phù hợp với chính sách kế toán của Công ty (*Thuyết minh 3.4*).

(c) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán với mức lãi suất là 0.0361%/ngày tính trên số tiền ứng trước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**6.2 Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	10.093.389.311	10.093.389.311
Số trích lập trong năm (Thuyết minh số 22)	99.721.606	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.193.110.917</b>	<b>10.093.389.311</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

**7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	VNĐ	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí bảo trì hệ thống	2.831.921.612	1.814.835.877
Trả trước tiền thuê văn phòng	272.532.256	324.326.471
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	803.803.789	552.439.806
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.908.257.657</b>	<b>2.691.602.154</b>

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.691.602.154	2.795.709.192
Tăng trong năm	16.665.717.059	15.033.534.160
Phân bổ trong năm	19.357.319.213 (15.449.061.556)	17.829.243.352 (15.137.641.198)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.908.257.657</b>	<b>2.691.602.154</b>

**7.2 Tài sản ngắn hạn khác**

	VNĐ	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	3.026.332.540	3.173.332.540
Tạm ứng	114.114.923	116.408.495
Ký quỹ khác	36.047.665	59.507.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.176.495.128</b>	<b>3.349.248.700</b>

Các khoản đặt cọc thuê văn phòng bao gồm số tiền đặt cọc thuê trụ sở chính tại tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, đặt cọc thuê văn phòng Chi nhánh Vũng Tàu, Chợ lớn và một số Chi nhánh khác và các khoản đặt cọc khác. Số tiền đặt cọc này sẽ được hoàn trả vào ngày kết thúc hợp đồng thuê.

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	VNĐ			
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số dư đầu năm	32.563.726.403	3.052.011.905	1.312.090.622	36.927.828.930
Tăng trong năm	2.003.532.080	-	-	2.003.532.080
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 10)	4.876.799.981	-	-	4.876.799.981
Xóa sổ trong năm	(967.150.138)	-	-	(967.150.138)
Số dư cuối năm	<u>38.476.908.326</u>	<u>3.052.011.905</u>	<u>1.312.090.622</u>	<u>42.841.010.853</u>
<i>Trong đó:</i>				
- Đã khấu hao hết	15.207.657.816	1.934.047.405	340.424.630	17.482.129.851
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Số dư đầu năm	23.328.759.016	2.757.164.973	824.715.875	26.910.639.864
Khấu hao trong năm	3.560.080.545	186.366.246	228.693.617	3.975.140.408
Xóa sổ trong năm	(967.150.138)	-	-	(967.150.138)
Số dư cuối năm	<u>25.921.689.423</u>	<u>2.943.531.219</u>	<u>1.053.409.492</u>	<u>29.918.630.134</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số dư đầu năm	<u>9.234.967.387</u>	<u>294.846.932</u>	<u>487.374.747</u>	<u>10.017.189.066</u>
Số dư cuối năm	<u>12.555.218.903</u>	<u>108.480.686</u>	<u>258.681.130</u>	<u>12.922.380.719</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	VNĐ
	<u>Phần mềm tin học</u>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số dư đầu năm	17.008.357.266
Tăng trong năm	1.771.429.700
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 10)	977.680.000
Xóa sổ trong năm	<u>(391.965.200)</u>
Số dư cuối năm	<u>19.365.501.766</u>
<i>Trong đó:</i>	
- Đã khấu hao hết	15.154.341.540
<b>Giá trị hao mòn:</b>	
Số dư đầu năm	15.415.800.868
Khấu hao trong năm	1.672.714.797
Xóa sổ trong năm	<u>(185.094.674)</u>
Số dư cuối năm	<u>16.903.420.991</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số dư đầu năm	<u>1.592.556.398</u>
Số dư cuối năm	<u>2.462.080.775</u>

**10. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số dư đầu năm	1.163.073.000	177.145.263
Tăng trong năm	7.727.965.938	1.185.573.000
Kết chuyển qua TSCĐ hữu hình (Thuyết minh số 8)	(4.876.799.981)	-
Kết chuyển qua TSCĐ vô hình (Thuyết minh số 9)	<u>(977.680.000)</u>	<u>(199.645.263)</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>3.036.558.957</u></b>	<b><u>1.163.073.000</u></b>

Chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	VNĐ
<u>Chi tiết</u>	<u>Số tiền</u>
Thanh toán 60% giá trị hợp đồng phần mềm hệ thống kế toán SAP	1.849.422.240
Thanh toán 40% giá trị hợp đồng nâng cấp phần cứng hệ thống giao dịch chứng khoán	397.890.000
Chi phí khác	<u>789.246.717</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.036.558.957</u></b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VNĐ	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí cải tạo văn phòng	740.815.965	1.907.950.503
Chi phí vật dụng văn phòng	1.106.895.155	2.504.573.637
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.847.711.120</b>	<b>4.412.524.140</b>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	4.412.524.140	7.640.112.727
Tăng trong năm	281.779.672	184.411.400
	4.694.303.812	7.824.524.127
Phân bổ trong năm	(2.846.592.692)	(3.411.999.987)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.847.711.120</b>	<b>4.412.524.140</b>

**12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Theo đó, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	11.649.016.166	9.149.016.166
Tiền nộp bổ sung trong năm	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.149.016.166</b>	<b>11.649.016.166</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Vay thấu chi tại ngân hàng (i)	11.000.000.000	28.533.791.381
Vay các tổ chức liên quan (Thuyết minh số 24)	15.000.000.000	237.113.000.000
	<b>26.000.000.000</b>	<b>265.646.791.381</b>

(i) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty và được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 4).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Số phát sinh trong năm</i>		<i>Số dư cuối năm</i>
		<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	(2.446.325.712)	8.742.972.814	(4.331.940.115)	1.964.706.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ nhà đầu tư tổ chức	165.166.870	3.647.266.995	(3.736.708.299)	75.725.566
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	1.694.999.067	13.654.040.734	(14.476.023.518)	873.016.283
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	435.836.870	7.413.259.737	(7.517.794.308)	331.302.299
Thuế giá trị gia tăng	279.270.987	1.050.351.565	(1.211.463.086)	118.159.466
Thuế nhà thầu	189.216.233	550.883.882	(491.540.584)	248.559.531
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>318.164.315</b>	<b>35.058.775.727</b>	<b>(31.765.469.910)</b>	<b>3.611.470.132</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí nhân viên	8.803.751.105	10.730.269.742
Phí môi giới	527.813.831	1.161.868.445
Phí dịch vụ chuyên môn	591.247.500	305.497.500
Chi phí phải trả khác	2.467.656.188	4.590.235.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.390.468.624</b>	<b>16.787.871.305</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	73.666.864	72.867.942
Phải trả khác	115.194.478	116.767.456
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>188.861.342</b>	<b>189.635.398</b>

**17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Đây là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty cho hoạt động đầu tư chứng khoán và thanh toán bù trừ với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Khấu hao tài sản cố định	<b>53.416.659</b>	<b>26.585.305</b>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác nhau giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>829.110.000.000</b>	<b>3.611.260.239</b>	<b>3.611.260.240</b>	<b>37.609.867.274</b>	<b>873.942.387.753</b>
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	29.198.839.076	29.198.839.076
- Trích quỹ trong năm	-	1.459.941.954	1.459.941.954	(2.919.883.908)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>829.110.000.000</b>	<b>5.071.202.193</b>	<b>5.071.202.194</b>	<b>63.888.822.442</b>	<b>903.141.226.829</b>

Vốn điều lệ của Công ty là 829.110 triệu đồng được góp toàn bộ bởi Maybank Kim Eng Holdings Limited, Công ty mẹ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**20. DOANH THU KHÁC**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	77.624.091.304	59.544.287.825
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	13.445.510.901	13.737.250.370
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	4.683.716.696	8.674.116.969
Doanh thu khác	8.069.498.568	7.653.189.956
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.822.817.469</b>	<b>89.608.845.120</b>

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	28.307.665.777	40.365.624.217
Chi phí môi giới chứng khoán	11.541.587.107	15.758.379.076
Hoa hồng đại lý	7.218.974.801	9.031.822.758
Chi phí thuê văn phòng	6.195.684.330	6.207.507.961
Chi phí lãi vay	3.362.912.063	13.439.429.932
Chi phí lưu ký chứng khoán	2.933.104.545	2.610.887.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.333.959.691	1.510.446.866
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	426.966.204	637.304.294
Chi phí tư vấn	323.522.755	972.978.417
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	182.334.935	316.687.322
Chi phí khác	6.248.907.769	5.518.115.302
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>68.075.619.977</b>	<b>96.369.183.217</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	42.057.769.604	40.325.933.752
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	5.988.718.009	7.052.505.980
Chi phí thuê văn phòng	5.492.214.351	5.053.373.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.313.895.514	3.625.846.064
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.261.536.560	1.398.339.226
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 6.2)	99.721.606	-
Thuế, phí và lệ phí	48.845.144	24.024.736
Chi phí khác bằng tiền	10.392.157.159	14.346.835.413
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.654.857.947</b>	<b>71.826.858.257</b>

## 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### 23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 22% lợi nhuận tính thuế trong kỳ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>37.968.643.244</b>	<b>20.806.632.906</b>
<i>Cộng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	1.912.711.381	1.715.975.006
- Chi phí trích trước trong năm	69.805.124	-
<i>Trừ:</i>		
- Chi phí trích trước đã loại ra khi quyết toán thuế	(434.697.403)	(3.044.642.239)
- Chi phí khấu hao bổ sung do chênh lệch về thời gian khấu hao	(121.960.701)	(74.848.123)
- Cổ tức	(9.000)	(14.988.800)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>39.394.492.645</b>	<b>19.388.128.750</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(19.257.286.460)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>39.394.492.645</b>	<b>130.842.290</b>
Thuế TNDN ước tính	8.666.788.382	28.785.304
Thuế TNDN trích thiếu của các năm trước	76.184.432	596.610.263
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>8.742.972.814</b>	<b>625.395.567</b>
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(2.446.325.712)	(3.071.721.279)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.331.940.115)	-
<b>Thuế TNDN phải trả/(nộp thừa) cuối năm</b>	<b>1.964.706.987</b>	<b>(2.446.325.712)</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác nhau giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và qui định của cơ quan thuế. Chi tiết biến động khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Khấu hao tài sản cố định	53.416.659	26.585.305	26.831.354	16.466.587
	<b>53.416.659</b>	<b>26.585.305</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>			<b>26.831.354</b>	<b>16.466.587</b>

VND

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>		
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Maybank International Labuan Branch	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay Trả tiền vay Trả lãi vay	64.050.000.000 64.050.000.000 381.959.480	127.821.000.000 127.821.000.000 854.419.130
Maybank Kim Eng Holdings Limited (MBKEH)	Công ty mẹ	Vay Trả tiền vay Trả lãi vay	- 107.113.000.000 283.910.146	336.871.300.000 293.058.300.000 3.108.754.787
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của MBKEH	Trả phí môi giới Trả hoa hồng Thu phí môi giới	1.465.339.951 994.620.689 47.822.158	- 1.694.746.035 26.588.990
Kim Eng Securities (Hong Kong) Limited	Công ty con của MBKEH	Thu phí môi giới	-	39.401.400
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Limited	Công ty con của MBKEH	Thu phí môi giới	167.215.978	272.743.640
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Trả tiền vay Nhận lãi tiền gửi Trả lãi vay Thu lãi tiền gửi	80.000.000.000 - 813.027.778 -	254.000.000.000 22.000.000.000 2.260.718.763 1.222.222
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Trả tiền vay Trả lãi vay Thu lãi tiền gửi Trả phí ngân hàng Nhận tiền gửi	50.000.000.000 317.013.891 37.267.367 910.910 -	54.000.000.000 1.772.337.517 11.779.201 - 10.742.343.583
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Bên liên quan	Thu phí nghiên cứu Trả phí nghiên cứu	2.336.569.712 584.714.021	2.110.356.818 358.841.368
Ban Tổng giám đốc		Thu nhập	4.623.277.327	3.859.139.445

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch với các bên liên quan khác trong năm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>	
			<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Số dư đầu năm</i>
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	-	(107.113.000.000)
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay Tiền lãi	-	(80.000.000.000) (73.194.444)
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay Phải trả tiền lãi Gửi tiền không kỳ hạn	(15.000.000.000) (8.583.333) 10.116.514.990	(50.000.000.000) (63.194.444) -
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của MBKEH	Phí marketing Phí hoa hồng Phải thu khác	-	(1.133.489.521) (212.390.737) (23.495.409)
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Phải thu khác	-	109.522.500
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Bên liên quan	Phải thu khác	-	17.044.965

**25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê các văn phòng cho trụ sở chính và các chi nhánh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Đến 1 năm	11.535.527.090	10.699.377.688
Từ 1 đến 5 năm	17.512.128.905	21.786.858.384
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.047.655.995</b>	<b>32.486.236.072</b>

**26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì đa phần các khoản vay trong năm này có lãi suất cố định.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý rủi ro của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	VNĐ		
	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	11.000.000.000	15.000.000.000	26.000.000.000
Chi phí phải trả	1.773.500.637	-	1.773.500.637
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.165.703.222	-	3.165.703.222
- <i>Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK</i>	527.813.831	-	527.813.831
- <i>Phí dịch vụ chuyên môn</i>	591.247.500	-	591.247.500
- <i>Chi phí phải trả khác</i>	2.046.641.891	-	2.046.641.891
Phải trả giao dịch chứng khoán	220.120.024.450		220.120.024.450
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.173.978.864	-	2.173.978.864
	<b>238.233.207.173</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>253.233.207.173</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	28.533.791.381	237.113.000.000	265.646.791.381
Chi phí phải trả	56.287.355	-	56.287.355
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.836.457.566	-	4.836.457.566
- <i>Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK</i>	1.161.868.445	-	1.161.868.445
- <i>Phí dịch vụ chuyên môn</i>	305.497.500	-	305.497.500
- <i>Chi phí phải trả khác</i>	3.369.091.621	-	3.369.091.621
Phải trả giao dịch chứng khoán	260.960.586.028	-	260.960.586.028
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	20.623.773	-	20.623.773
	<b>294.407.746.103</b>	<b>237.113.000.000</b>	<b>531.520.746.103</b>

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### *Tài sản đảm bảo*

Công ty có nắm giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán, các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay tại một ngân hàng thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210 đối với các công cụ tài chính.

#### *Tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

***Tài sản tài chính*** (tiếp theo)

▪ ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ ***Các khoản cho vay và phải thu:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:





**27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Nợ phải trả tài chính*** (tiếp theo)

- *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại đã niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch.

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và tài sản tương đương tiền	412.755.854.376	611.131.570.220	412.755.854.376	611.131.570.220	
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Chứng khoán thương mại</i>					
- Cổ phiếu niêm yết	1.585.700	-	1.585.700	-	
Các khoản phải thu ngắn hạn	715.668.838.939	772.495.684.769	715.668.838.939	772.495.684.769	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.128.426.279.015</b>	<b>1.383.627.254.989</b>	<b>1.128.426.279.015</b>	<b>1.383.627.254.989</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay và nợ ngắn hạn	26.000.000.000	265.646.791.381	26.000.000.000	265.646.791.381	
Phải trả người bán	1.773.500.637	56.287.355	1.773.500.637	56.287.355	
Chi phí phải trả	3.165.703.222	4.836.457.566	3.165.703.222	4.836.457.566	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	220.120.024.450	260.960.586.028	220.120.024.450	260.960.586.028	
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phải	2.173.978.864	20.623.773	2.173.978.864	20.623.773	
<b>Tổng cộng</b>	<b>253.233.207.173</b>	<b>531.520.746.103</b>	<b>253.233.207.173</b>	<b>531.520.746.103</b>	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Tài chính  
Kế toán

Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

